

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 02 – 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lam Minh Tâm

2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp K, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp K, xã N, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên cự cãi dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Anh cũng đã tạo điều kiện để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, anh và chị T không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2017 đến nay. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thị Mỹ A (giới tính: nữ) sinh ngày 15/4/2018, hiện đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do hôn nhân không hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ A và không yêu cầu anh Triều cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Có tài sản chung là vàng cưới, chị tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Anh T khẳng định mâu thuẫn giữa anh và chị T ngày càng trầm trọng, anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T không

thể hàn gắn được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho ly hôn giữa anh T và chị T. Về con chung: Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Về án phí, buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị T.

Anh T xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, qua kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, có cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình

hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh T và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T; cho ly hôn giữa anh T và chị T.

[4]. Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thị Mỹ A (giới tính: nữ) sinh ngày 15/4/2018, hiện đang sống chung với chị T; chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T đồng ý giao con chung cho T nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh T và chị T không còn chung sống đến nay thì cháu Mỹ A do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Mỹ A cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5]. Về tài sản chung: Anh T và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Anh T và chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ A (giới tính: nữ) sinh ngày 15/4/2018. Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006093 lập ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã P;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa